

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2023

V/v “Xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, phân chia nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Huyền; ông Nguyễn Khắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C 1, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan V H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn C 1, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Dương Q Th ; chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Th B , chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Th B : Ông Trần Ng Gi , chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Trần Thị T và anh Phan V H đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/1995 tại Ủy ban nhân dân xã K , huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất hòa quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, lâu dần không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phan V H .

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, tên là Phan Thị L V , sinh năm 1993; Phan A Đ , sinh năm 1997; Phan Hoàng B Ch , sinh này 12/9/2007. Đối với con chung cháu V và cháu Đ đã trên 18 tuổi nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T có nguyện vọng nhận nuôi cháu Phan Hoàng B Ch , trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa chị T không còn yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung mà chỉ yêu cầu giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 75.000.000đ mà vợ chồng vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Nhưng sau khi thụ lý vụ án, chị T có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm một ngôi nhà và một mảnh đất với trị giá là 2.950.000.000đ (trong đó nhà trị giá 150.000.000đ và đất trị giá 2.800.000.000đ), sau khi nhận đơn của chị T , Tòa án đã thông báo cho chị T nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung, tuy nhiên sau đó chị T đã không nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án có căn cứ giải quyết yêu cầu theo quy định.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/01/2023, anh Phan V H trình bày:

Anh H thừa nhận về việc mâu thuẫn giữa vợ chồng giống như chị T trình bày, hai người đã ly thân với nhau từ ngày 21/02/2022 cho đến nay, nay xét thấy tình cảm không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị T .

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày là đúng thực tế. Đối với cháu Phan Hoàng B Ch hiện đang dưới 18 tuổi thì theo nguyện vọng của cháu muốn ở cùng ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, về khoản nợ 75.000.000đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh thì anh H không đồng ý trả, vì khoản nợ này do chị đứng ra T vay.

Mặc dù anh H có trình bày toàn bộ nội dung như trên tại buổi lấy lời khai, nhưng không đồng ý ký vào bất cứ biên bản nào đối với Tòa án.

- *Ý kiến của cháu Phan Hoàng B Ch* : Trong đơn trình bày gửi cho Tòa án, cháu Ch có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị T .

- *Ý kiến của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam*: Ngày 20/5/2020 vợ chồng chị Trần Thị T , sinh năm 1977 số Chứng minh nhân dân 183209870, Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/7/2013, trú tại thôn C 1, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn và anh Phan V H , sinh năm 1971, số Chứng minh nhân dân 183206393 trú tại thôn C 1, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, làm Giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo do Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện; mục đích là mua bò sinh sản cày kéo để phát triển kinh tế gia đình, số lượng 03 con, thời hạn vay là 60 tháng; số tiền vay là 80.000.000đ; kỳ hạn trả nợ 12 tháng; lãi suất 8,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Sau đó Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho chị T và anh H vay theo số hợp đồng vay vốn (Số vay vốn) 2900094281, số khế ước 6600000718084230, tổng số tiền 80.000.000đ, số tiền trên được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân ngày 14/6/2020. Đến ngày 14/11/2020, vợ chồng bà Trần Thị T và ông Phan V H đã trả 5.000.000đ, đến nay còn nợ số tiền gốc là 75.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 06/4/2023 là 4.509.249đ. Nay chị T , anh H ly hôn đề nghị Tòa án buộc mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ trả 1/2 số nợ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử, đồng thời chị T , anh H phải tiếp tục chịu phải trả lãi theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 10/6/2020, kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết mọi khoản nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không phối hợp, không tham gia các phiên họp và phiên hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Do anh H không hợp tác nên Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng thỏa thuận giải quyết vụ án với nhau.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, đồng ý cho chị T ly hôn với anh Phan V H.

+ Về con chung: Xét nguyện vọng và mong muốn của cháu Phan Hoàng B Ch, ý kiến của anh H, chị T, cũng điều kiện thực tế của chị T và anh H; đối chiếu với quy định tại Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cháu Phan Hoàng B Ch, sinh ngày 12/9/2007 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), và anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì tại phiên tòa chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản: Do chị T không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án, do đó không xem xét chia tài sản chung của vợ chồng mà chỉ xem xét giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ chung. Xét mục đích vay, đối tượng được vay đối với khoản nợ 75.000.000đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, cũng như các tài liệu do bên phía Ngân hàng cung cấp thì có đủ căn cứ để khẳng định đây là khoản nợ chung của vợ, chồng, do vậy cần buộc chị T anh H mỗi người phải có nghĩa vụ trả 1/2 số tiền nợ gốc cũng như tiền lãi phát sinh.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí chia nợ chung; anh Phan V H phải chịu án phí chia nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan V H có địa chỉ cư trú tại thôn C 1, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Phan V H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, phiên hòa giải nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ngày 14/3/2023 bị đơn anh H vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ

luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ các đương sự theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn anh H vắng mặt không rõ lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phan V H trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy đăng ký kết hôn số 32 ngày 10/8/1995, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T và anh H trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là vì hai bên bắt đầu quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau, mặc dù đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thể hòa hợp, sinh sống cùng nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 2 năm 2022, từ đó đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận, đồng ý cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 03 con chung, tên là Phan Thị L V, sinh năm 1993; Phan A Đ, sinh năm 1997; Phan Hoàng B Ch, sinh ngày 12/9/2007.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với con chung là Phan Thị L V và Phan A Đ đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực dân sự, nên không xem xét việc giao cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với cháu Phan Hoàng B Ch (đã trên 07 tuổi và dưới 18 tuổi), chị T có nguyện vọng nhận nuôi con, cháu Châu có nguyện vọng được ở cùng mẹ, anh H có ý kiến tùy theo sự lựa chọn của con. Vậy nên xét thấy cần giao cháu Ch cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp và đúng với các quy định tại Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Trần Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do chị T không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án, do đó không xem xét giải quyết yêu cầu của chị T (yêu cầu thêm sau khi thụ lý vụ án) về việc chia tài sản chung gồm một ngôi nhà và một mảnh đất với trị giá là 2.950.000.000đ (trong đó nhà trị giá 150.000.000đ và đất trị giá 2.800.000.000đ).

Đối với khoản nợ 75.000.000đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xét thấy: Ngân hàng chính sách xã hội là

tổ chức tín dụng không vì mục đích lợi nhuận, được thành lập, để cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn. Do đó, để được vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội thì phải đúng đối tượng cũng như điều kiện cụ thể mới được vay. Việc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh cho chị Trần Thị T vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, với mục đích là mua bò sinh sản, cày kéo, để phát triển kinh tế chung của gia đình và khoản vay này trong thời kỳ hôn nhân, do vậy có đủ căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của cả hai vợ chồng. Do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình để buộc chị T và anh H phải trả 1/2 khoản nợ và tiền lãi phát sinh. Cụ thể buộc chị T và anh H mỗi người phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh 37.500.000đ tiền gốc và 2.254.624đ tiền lãi phát sinh (tính đến ngày 06/4/2023). Đồng thời chị T, anh H phải chịu tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 10/6/2020 cho đến khi thanh toán hết mọi khoản nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn, nên chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; đồng thời chị Trần Thị T, anh Phan V H phải chịu án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ, tương ứng với số tiền phải trả của mỗi người tính đến thời điểm xét xử.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phan V H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng B Ch, sinh ngày 12/9/2007 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nợ chung: Buộc chị Trần Thị T và anh Phan V H mỗi người phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 37.500.000đ tiền nợ gốc và 2.254.624đ tiền lãi phát sinh (tính đến ngày 06/4/2023). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T và anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền gốc mà chị T, anh H phải trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 1.987.731đ án phí chia nghĩa vụ trả nợ, chị T đã nộp 2.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006376 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, nay phải nộp tiếp 112.731đ. Anh Phan V H phải chịu 1.987.731đ án phí chia nghĩa vụ trả nợ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- UBND xã Sơn Kim;
- Chi cục THADS Hương Sơn;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Đạt

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Sỹ Huyền

Nguyễn Khắc Hải

Mai Văn Đạt

